TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS - ST
Ngày: 14 - 9 - 2021
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ -TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Chị Trương Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 13, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

***2. Bị đơn*: -** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà 194, tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1996; nơi ĐKHKTT: Số nhà 194, tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Số nhà 23, thôn T, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị M là anhNguyễn Văn Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà 194, tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị H; Anh Q vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày:

Do có quan hệ bạn bè nên chị có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị M vay tiền nhiều lần, tổng cộng các lần vay là 800.000.000đ (tám

trăm triệu đồng), hai bên thống nhấtlấy ngày 03/5/2018 là ngày ký hợp đồng; thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 03/5/2018 đến ngày 03/5/2019), lãi suất 6%/năm, mục đích vay là để anh Q, chị M làm nhà, theo "Hợp đồng cho vay tiền" đề ngày 03/5/2018. Đến hạn trả nợ, chị đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh Q, chị M không trả tiền cho chị. Nay chị yêu cầu vợ chồng anh Q, chị M phải trả cho chịtoàn bộ tiền gốc là 800.000.000đ và tiền lãi tính đến hết ngày 31/12/2020 là 130.340.800đ, chị không yêu cầu anh Q, chị M phải trả tiền lãi cho chị từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử. Tổng số tiền chị yêu cầu anh Q và chị M phải trả là 930.340.800đ (chín trăm ba mươi triệu ba trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng).

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Q (cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị M) trình bày: Do anh và chị H là bạn thân của nhau nên chị H có cho vợ chồng anh vay tổng số tiền 800.000.000đ, mục đích vay là để anh cho người khác vay lại. Hai bên có làm hợp đồng cho vay tiền, chị H là người soạn thảo và viết hợp đồng, hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Trong hợp đồng hai bên không thỏa thuận về lãi suất và thời gian trả nợ, nhưng anh và chị H có thỏa thuận miệng với nhau khi nào chị H cần tiền thì phải báo trước cho anh một vài tháng. Chị H đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh chưa có tiền trả. Nay chị H yêu cầu vợ chồng anh phải trả cho chị H 800.000.000đ tiền gốc và 130.340.800đ tiền lãi, quan điểm của anh là vợ chồng anh nhất trí trả cho chị H số tiền gốc là 800.000.000đ, nhưng anh xin trả dần, mỗi tháng trả 10.000.000đ; anh không nhất trí trả cho chị H tiền lãi là 130.340.800đ.

Tại đơn đề nghị đề ngày 26/7/2021, chị H rút yêu cầu về số tiền lãi, chị không yêu cầu vợ chồng anh Q, chị M phải trả cho chị tiền lãi đối với khoản tiền mà anh Q, chị M vay chị, chị chỉ đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Q, chị M trả cho chị số tiền gốc là 800.000.000đ.

* Tại phiên tòa: Chị Trương Thị H có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đãtrình bày trước đó tại Tòa án.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nghỉ nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đối với nguyên đơnđã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Q (và là người đại diện theo ủy quyền của chị M) chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày, phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng Điều 26, 35, 39,68, 144, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 155, 164, 166, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H.

- Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị M thanh toán trả chị Trương Thị H số tiền gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng). Do chị H rút đơn yêu cầu nên đình chỉ đối với khoản tiền lãi.

- Về án phí: Anh Q, chị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị H kiện đòi tài sản cho vay đối với vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị M thì đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Q, chị M có địa chỉ tại tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự giao kết hợp đồng từ ngày 03/5/2018và vẫn đang thực hiện hợp đồng, nay phát sinh tranh chấp. Căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp và xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị M) đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa ántiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Việc chị Trương Thị H cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị M vay số tiền 800.000.000đ, được xác lập, thể hiện qua "Hợp đồng cho vay tiền" đề ngày 03/5/2018. Hội đồng xét xử thấy rằng, Hợp đồng vay tiền được hai bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Bộ luật Dân sự năm 2015bảo vệ.

[5] Về yêu cầu kiện đòi tiền gốc và tiền lãi của nguyên đơn:

- Đối với số tiền gốc: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất xác định: Vào ngày 03/5/2018 chị H có cho vợ chồng anh Q, chị M vay số tiền gốc là 800.000.000đ, đến nay anh Q, chị M chưa trả được số tiền trên cho

chị H. Chị H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Q, chị M phải trả cho chị toàn bộ số tiền gốc 800.000.000đ; phía anh Q nhất trí trả số tiền trên cho chị H, nhưng do anh đang gặp khó khăn nên anh xin được trả dần, mỗi tháng trả 10.000.000đ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chị H cho vợ chồng anh Q, chị M vay tiền là có thật, các đương sự cũng đã thừa nhận có việc vay nợ tiền và việc chị H đòi nhiều lần nhưng anh Q, chị M chưa trả được, do vậy anh Q, chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Q, chị M phải trả cho chị toàn bộ số tiền trên là có căn cứ chấp nhận, buộc vợ chồng anh Q, chị M phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị H số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

- Đối với số tiền lãi: Tại đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Q, chị M phải trả cho chị số tiền lãi tính đến hết ngày 31/12/2020 là 130.340.800đ. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị đề ngày 26/7/2021 và tại phiên tòa chị H xin rút yêu cầu đối với phần lãi suất, chị không yêu cầu vợ chồng anh Q, chị M phải trả cho chị số tiền lãi nữa. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị H được Tòa án chấp nhận nên anh Q, chị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả là 800.000.000 đồng cụ thể: 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + 16.000.000 đồng = 36.000.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều144, 146, 147, 227, 228, 244, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiệncủa chị Trương Thị H.

2/ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của chị Trương Thị H về khoản tiền lãi tính đến ngày 31/12/2020là 130.340.800đ (một trăm ba mươi triệu ba trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng).

3/ Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị Trương Thị H toàn bộ số tiền gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

4/ Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị M phải chịu 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng).

Trả lại cho chị Trương Thị H số tiền 19.900.000đ (mười chín triệu chín trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004755 ngày 31/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Hà Nam.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Q, chị M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu HSVA; VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân